

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thiên tai hạn hán cấp độ 1 xảy ra trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thiên tai dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg, ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 187/2010/TT-BTC, ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai,

Xét Tờ trình số 44/TTr-SNN ngày 15/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*kèm theo hồ sơ*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thiên tai hạn hán xảy ra trên địa bàn tỉnh Kon Tum với cấp độ rủi ro: Cấp 1.

Điều 2. UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm:

1. Triển khai các biện pháp phòng, chống hạn trên địa bàn theo Kế hoạch số 2735/KH-UBND ngày 23/11/2015 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống hạn trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

2. Chủ động sử dụng ngân sách của các đơn vị để chống hạn, bơm tưới cho cây trồng;

3. Áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị hạn hán theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 8/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 và Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/3/2013 của Bộ Tài chính, quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Báo cáo tình hình hạn hán, tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và đề xuất hỗ trợ chống hạn, cứu đói, khôi phục sản xuất vùng bị ảnh hưởng về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Liên Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra, đánh giá, báo cáo tình hình hạn hán, thiệt hại do thiên tai gây ra và đề xuất hỗ trợ chống hạn, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do hạn hán gây ra theo đúng chính sách quy định.

Điều 4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp tình hình thiếu đói do hạn hán gây ra, đề xuất hỗ trợ kịp thời.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN6,8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đào Xuân Quý

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HẠN HÁN SẢN XUẤT VÀ THIẾU NƯỚC SINH HOẠT NĂM 2015-2016

(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Huyện/ Thành Phố	Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân bị hạn, thiếu nước				Trong đó:						Nước sinh hoạt		
		Cộng (ha)	Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do huyện, thành phố quản lý (ha)	Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do BQL-KT quản lý (ha)	Diện tích hạn do người dân canh tác ven sông, suối (ha)	Lúa			Cà phê, rau màu			Công trình nước tự chảy bị khô hạn, thiếu nước (công trình)	Số giếng nước bị khô hạn thiếu nước (giếng)	Số hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)
						Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do huyện, thành phố quản lý (ha)	Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do BQL-KT quản lý (ha)	Diện tích hạn do người dân canh tác ven sông, suối (ha)	Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do huyện, thành phố quản lý (ha)	Diện tích hạn thuộc khu tưới các CTTL do BQL-KT quản lý (ha)	Diện tích hạn do người dân canh tác ven sông, suối (ha)			
1	TP. Kon Tum	383,06	32,22	11,00	339,84	32,22	11,00	241,84			98,00		480	480
2	Đăk Hà	284,36	109,19	71,87	103,30	9,19	71,87	76,30	100,00		27,00			
3	Đăk Tô	63,32	16,60	19,00	27,72	16,60	19,00	27,72					1.644	1.806
4	Tu Mơ Rông	0,00	0,00	0,00	0,00							4		
5	Ngọc Hồi	80,60	40,20	7,00	33,40	40,20	7,00	33,40						
6	Đăk Glei	267,60	0,00	0,00	267,60			57,60			210,00			
7	Sa Thầy	56,95	4,70	22,15	30,10	4,70	22,15	30,10					1.149	1.149
8	Kon Rẫy	50,00	1,60	1,00	47,40	1,60	1,00	47,40						
9	Kon Plông	0,00	0,00	0,00	0,00									
10	Ia H'Drai	6,80	0,00	0,00	6,80			5,60			1,20		502	502
Tổng cộng		1.192,69	204,51	132,02	856,16	104,51	132,02	519,96	100,00	0,00	336,20	4	3.775	3.937

DỰ BÁO TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ NGUY CƠ CHÁY RỪNG
(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh)



I. Tình hình hạn hán:

Dự báo diện tích sản xuất nông nghiệp bị khô hạn khoảng 6.000 ha, trong đó: Lúa 1.100ha (vùng công trình thủy lợi đảm nhận chủ yếu là đập dâng khoảng 700ha, khe suối nhỏ và các đập tạm của dân khoảng 400ha)/diện tích lúa Đông xuân 7.250ha; cây công nghiệp: 4.900ha chủ yếu là cà phê, có khoảng 5.000 giếng sẽ thiếu nước trầm trọng và không đảm bảo nước sinh hoạt cho khoảng 7.500 hộ dân.

II. Nguy cơ cháy rừng

Tỉnh Kon Tum có tổng diện tích tự nhiên 968.960,6 ha, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 780.736 ha (diện tích đất có rừng 604.258 ha, diện tích đất lâm nghiệp không có rừng 176.478 ha) phân bố trên địa bàn 10 huyện, thành phố. Trong tổng số 604.258 ha đất có rừng.

Diện tích rừng dễ cháy toàn tỉnh: 159.757,1 ha (chiếm 26,4% đất có rừng), tập trung nhiều vào rừng tre nứa, lau lách, rừng khộp, rừng thông; trong đó: Diện tích rừng trồng dễ cháy 56.025,5 ha (gồm các loại rừng trồng thông thuần loài, thông hỗn loài, keo, bạch đàn, muông); diện tích rừng tự nhiên dễ cháy 103.731,6 ha (gồm các loại rừng khộp, tre nứa, lồ ô, rừng lá kim). Phân theo các khu vực trọng điểm cháy rừng:

- Khu vực 1: Có nguy cơ cháy rừng rất cao, gồm các huyện Đăk Tô, Sa Thầy, Ia H'Drai và Ngọc Hồi. Tổng diện tích: 87.226,4 ha (trong đó: rừng trồng: 39.955,8 ha; rừng tự nhiên: 47.270,6 ha).

- Khu vực 2: Có nguy cơ cháy rừng cao, gồm các huyện Đăk Hà, Kon Rẫy và TP Kon Tum. Tổng diện tích: 14.490,5 ha (trong đó: rừng trồng: 6.421,1 ha; rừng tự nhiên: 8.069,4 ha).

- Khu vực 3: Có nguy cơ cháy rừng trung bình, gồm 3 huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông. Tổng diện tích: 58.040,2 ha (trong đó: rừng trồng: 9.648,6 ha; rừng tự nhiên: 48.391,6 ha).